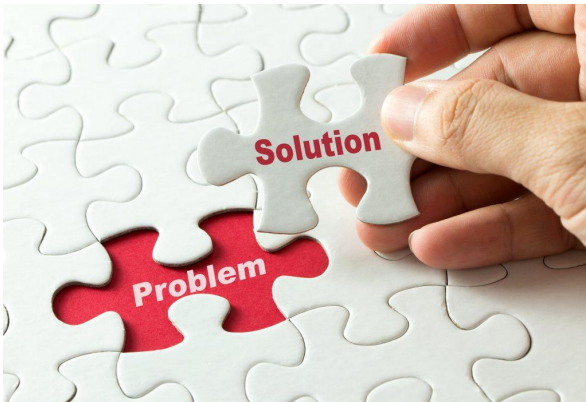


# Lesson Overview

## Discussing and solving problems



You are having a conversation with your colleague to discuss a problem.

How do you discuss and find a solution to solve a problem?

### Useful language

	Words and Expressions	Meaning
1	I have been struggling with the workload.	Tôi gặp vấn đề với khối lượng công việc.
2	I've been having difficulty doing multiple tasks, and it is becoming difficult to prioritize and manage my time effectively.	Tôi gặp khó khăn khi thực hiện nhiều nhiệm vụ, sắp xếp thứ tự ưu tiên và quản lý thời gian một cách hiệu quả.
3	You might be experiencing some time management issues.	Bạn có lẽ đang gặp một số vấn đề về quản lý thời gian.
4	Have you tried solving the problem?	Bạn đã thử giải quyết vấn đề chưa?
5	I've tried a few techniques I found online, but they don't seem to work well for me.	Tôi đã thử một số kỹ thuật tìm được trên mạng nhưng có vẻ như chúng không hiệu quả với tôi.
6	schedule a one-on-one meeting with our time management specialists.	lên lịch họp trực tiếp với các chuyên gia quản lý thời gian của chúng ta.

# Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
7	They can provide personalized advice and strategies to help you manage time effectively.	Họ có thể cung cấp lời khuyên và chiến lược cá nhân hóa để giúp bạn quản lý thời gian hiệu quả.
8	Time management is crucial in our line of work, and I'm sure the specialists will be able to provide valuable insights to improve your efficiency.	Quản lý thời gian rất quan trọng trong công việc của chúng ta và tôi chắc chắn rằng các chuyên gia sẽ có thể cung cấp những kiến thức giá trị để cải thiện hiệu quả của bạn.
9	I have been struggling with my team's collaboration	Tôi đang gặp khó khăn với việc hợp tác của nhóm tôi
10	We've been having difficulty communicating effectively, and it's affecting our project outcomes.	Chúng tôi đang gặp khó khăn trong việc giao tiếp hiệu quả và điều đó ảnh hưởng đến kết quả dự án của chúng tôi.
11	There might be some communication and collaboration challenges.	Có thể có một số thách thức về giao tiếp và hợp tác.
12	Have you tried addressing the problem?	Bạn đã thử giải quyết vấn đề chưa?
13	We've attempted a few team meetings, but they don't seem to be improving our overall productivity.	Chúng tôi đã thử tổ chức một vài cuộc họp nhóm nhưng dường như việc đó không cải thiện được năng suất làm việc của chúng tôi.
14	arrange a meeting with a team-building facilitator	sắp xếp một cuộc gặp với người điều phối hoạt động xây dựng nhóm
15	They can assess your dynamics and offer customized strategies to enhance collaboration.	Họ có thể đánh giá sự năng động của bạn và đưa ra các chiến lược cá nhân hóa để tăng cường hợp tác làm việc.
16	That sounds like a good idea. I'll reach out to HR and see if they can organize a session for us.	Đó có vẻ là một ý tưởng hay. Tôi sẽ liên hệ với bộ phận nhân sự và xem liệu họ có thể tổ chức một buổi họp cho chúng tôi không.

# Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
17	Effective teamwork is essential in any line of work, and I believe a facilitator can help you find a solution.	Làm việc nhóm hiệu quả là điều cần thiết trong bất kỳ lĩnh vực công việc nào và tôi tin rằng người điều phối có thể giúp bạn tìm ra giải pháp.
<b>Asking what the problem is</b>		
18	What's the matter?	Có vấn đề gì vậy?
19	Can you tell me what's going on?	Bạn có thể cho tôi biết chuyện gì đang xảy ra không?
20	What seems to be the issue?	Có vấn đề gì vậy?
21	Is there a problem you'd like to discuss?	Có vấn đề gì mà bạn muốn thảo luận không?
<b>Asking for details</b>		
22	What's wrong with it exactly?	Cụ thể thì bạn đang gặp vấn đề gì vậy?
23	Can you share more specific details?	Bạn có thể chia sẻ chi tiết hơn được không?
24	Could you go into greater depth about the problem you're facing?	Bạn có thể chia sẻ kĩ hơn về vấn đề bạn đang gặp phải được không?
25	What's wrong with it exactly?	Cụ thể thì bạn đang gặp vấn đề gì vậy?
26	Could you give me a detailed description of the problem?	Bạn có thể mô tả chi tiết vấn đề cho tôi được không?
<b>Diagnosing the problem</b>		
27	It sounds like ...	Có vẻ như ...
28	It looks like ...	Có vẻ như ...

# Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
29	It sounds as though ...	Có vẻ như ...
30	It looks as though ...	Có vẻ như ...
<b>Advising</b>		
31	The best thing would be to ...	Điều tốt nhất là...
32	I'd advise you to ...	Tôi khuyên bạn nên...
33	I think you should ...	Tôi nghĩ bạn nên ...
34	If I were you, I'd ...	Nếu tôi là bạn, tôi sẽ...
<b>Confirming a solution</b>		
35	There we are - that should fix it.	Điều đó sẽ khắc phục được vấn đề.
36	That should solve the problem.	Điều đó sẽ giải quyết vấn đề.
37	That should sort it out.	Điều đó sẽ giải quyết vấn đề.
38	That should resolve the issue.	Điều đó sẽ giải quyết vấn đề.